

Số: 669 /TB-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 22

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-ĐHSG ngày 18/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sĩ khóa 22 như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Chuyên ngành	Mã số	TT	Chuyên ngành	Mã số
1	Toán giải tích	8460102	8	Lịch sử Việt Nam	8229013
2	Quản lý giáo dục	8140114	9	Văn học Việt Nam	8220121
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201	10	Khoa học máy tính	8480101
4	Quản trị kinh doanh	8340101	11	Phương pháp toán sơ cấp	8460113
5	Hóa hữu cơ	8440114	12	Ngôn ngữ Anh	8220201
6	LL&PPDH bộ môn Toán	8140111	13	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103
7	Ngôn ngữ học	8229020			

II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2. Hình thức đào tạo: Chính quy (theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng).

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

– Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu

hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

– Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (không áp dụng đối với người dự tuyển chuyên ngành Ngôn ngữ Anh), cụ thể:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông báo này;

+ Người dự tuyển tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường Đại học Sài Gòn tổ chức và đạt kết quả tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

– Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai kèm theo Phụ lục III, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

** Lưu ý: Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.*

– Người dự tuyển tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển; có văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng tiêu chuẩn ngoại ngữ đầu vào theo quy định và đáp ứng các quy định khác của tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng. Hội đồng tuyển sinh tổ chức xét tuyển thẳng từng trường hợp cụ thể.

2. Các điều kiện khác

– Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Danh sách ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Thông báo này.
- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực (kèm theo bản chính để đối chiếu).
- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: <http://naric.edu.vn/>).
- Trường Đại học Sài Gòn tiến hành thẩm định tính xác thực của các văn bằng, chứng chỉ.

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

STT	Chuyên ngành	Phương thức tuyển sinh	
Thi tuyển		Môn cơ bản	Môn cơ sở
01	Toán giải tích	Đại số	Giải tích
02	LL & PPDH bộ môn Toán		
03	Phương pháp toán sơ cấp		
04	Quản lý giáo dục	Lôgic học	Giáo dục học đại cương
05	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật Dân sự
06	Ngôn ngữ Anh	Dẫn luận ngôn ngữ	Viết nâng cao
Xét tuyển			
07	Quản trị kinh doanh	Xét hồ sơ và phỏng vấn chuyên môn	
08	Tài chính – Ngân hàng		
09	Hóa hữu cơ		
10	Khoa học máy tính		
11	Ngôn ngữ học		

STT	Chuyên ngành	Phương thức tuyển sinh
12	Văn học Việt Nam	
13	Lịch sử Việt Nam	

* Đối với các chuyên ngành LL & PPDH bộ môn Toán, Toán giải tích và Phương pháp toán sơ cấp: Người dự tuyển được đăng ký tối đa 2 nguyện vọng dự tuyển vào các chuyên ngành LL & PPDH bộ môn Toán, Toán giải tích và Phương pháp toán sơ cấp. Kết quả trúng tuyển được xét theo thứ tự nguyện vọng đã đăng ký.

Đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: Theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

V. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

- Hồ sơ tuyển sinh/ phí đăng ký hồ sơ tuyển sinh trực tuyến: 120.000đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký thi và lệ phí thi/ xét tuyển: 800.000đ/1 người dự tuyển;
- Lệ phí ôn thi: 1.500.000đ/1 môn thi;
- Lệ phí ôn thi và đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: 2.400.000đ/ 1 người dự tuyển;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức:
 - + Đối với Khối Khoa học Xã hội: 320.000đ/1 tín chỉ;
 - + Đối với Khối Khoa học Tự nhiên: 380.000đ/1 tín chỉ.

VI. THỜI GIAN TUYỂN SINH

1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Thời hạn: đến hết ngày **17/7/2025**;
- Địa điểm: Phòng Đào tạo sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn (Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

2. Học bổ sung kiến thức

- Thời hạn đăng ký: đến hết ngày **26/6/2025**;
- Thời gian học: từ ngày **30/6/2025** đến ngày **13/7/2025**;
- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức học chủ yếu ngoài giờ hành chính và khi có đủ số lượng người dự tuyển đăng ký. Lịch học cụ thể của từng học phần sẽ được thông báo trên website của Phòng Đào tạo sau đại học.

3. Ôn thi tuyển sinh

- Thời hạn đăng ký ôn thi, đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: đến hết ngày **17/7/2025**;
- Thời gian ôn thi: từ ngày **21/7/2025** đến ngày **10/8/2025** (học chủ yếu ngoài giờ

hành chính);

– Các lớp ôn thi tuyển sinh được tổ chức khi có đủ số lượng người dự tuyển đăng ký. Lịch ôn thi sẽ được thông báo trên website của Phòng Đào tạo sau đại học.

4. Tổ chức xét tuyển thẳng

Dự kiến: từ ngày 28/7/2025 đến ngày 01/8/2025.

5. Tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào, thi tuyển sinh

Dự kiến: ngày 23,24/8/2025.

6. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh

Dự kiến: tháng 9/2025.

7. Thời gian khai giảng khóa học

Dự kiến: tháng 10/2025.

VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức

Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức bao gồm:

– Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (mẫu trên website của Phòng Đào tạo sau đại học);

– Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm.

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

2.1. Hồ sơ đăng ký nộp theo hình thức trực tiếp

Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

– Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

– Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú;

– Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học;

– Bản sao có chứng thực bảng điểm/ Phụ lục văn bằng đại học;

– Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu người dự tuyển thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

– 02 Bản sao có chứng thực văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào hoặc đơn đăng ký dự thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;
- 04 ảnh màu 3x4 chụp không quá 03 tháng (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự thi);
- 02 phong bì ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển vào nơi nhận.

2.2. Hồ sơ đăng ký nộp theo hình thức trực tuyến

- Người dự tuyển đăng ký hồ sơ trực tuyến tại website:

<https://tuyensinhsaudaihoc.sgu.edu.vn/>



- Người dự tuyển thực hiện đầy đủ các nội dung Mục 1 - Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có), Mục 2 - Hồ sơ đăng ký dự tuyển và tải các tập tin minh chứng lên hệ thống đăng ký.

** Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:*

- Phòng Đào tạo sau đại học (Phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;
- Số 273 An Dương Vương, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại cố định: **(028) 38.303.108;**
- Điện thoại di động: **0903.630.540 hoặc 0903.052.420;**
- Website: **http://dtsdh.sgu.edu.vn;**
- Email: **sdh@sgu.edu.vn.**

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, ĐTSĐH, TH.(20).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Lê Minh Triết



Phụ lục I

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP
TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 669 /TB-ĐHSG ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Chuyên ngành Toán giải tích

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Toán học; - Sư phạm Toán học.	Nhóm 1: - Toán học; - Sư phạm Toán học.
Nhóm 2: - Khoa học tính toán; - Khoa học máy tính; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê; - Sư phạm Toán tin; - Sư phạm Tin học; - Toán kinh tế; - Công nghệ thông tin.	Nhóm 2: - Khoa học tính toán; - Khoa học máy tính; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê; - Sư phạm Toán tin; - Sư phạm Tin học; - Toán kinh tế; - Công nghệ thông tin.

2. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: Quản lý giáo dục.	Nhóm 1: Quản lý giáo dục.
Nhóm 2: - Giáo dục học; - Các Ngành đào tạo giáo viên.	Nhóm 2: - Giáo dục học; - Các Ngành đào tạo giáo viên; - Các Ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực quản trị và quản lý.

3. Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p><i>Nhóm 1:</i></p> <p>Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm.</p>	<p><i>Nhóm 1:</i></p> <p>Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm.</p>
<p><i>Nhóm 2:</i></p> <p>Các ngành thuộc các nhóm ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Kinh tế gia đình; - Quản lý xây dựng; - Quản lý công nghiệp. 	<p><i>Nhóm 2:</i></p> <p>Các ngành thuộc các nhóm ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Kinh tế gia đình; - Quản lý xây dựng; - Quản lý công nghiệp; - Máy tính và Công nghệ thông tin; - Du lịch, Khách sạn – nhà hàng.

4. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p><i>Nhóm 1:</i></p> <p>Quản trị kinh doanh.</p>	<p><i>Nhóm 1:</i></p> <p>Quản trị kinh doanh.</p>
<p><i>Nhóm 2:</i></p> <p>Các ngành thuộc các nhóm ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh; - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; - Kế toán - Kiểm toán; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Quản lý Công nghiệp; - Khách sạn - Nhà hàng; - Quản lý Xây dựng; - Quản lý Y tế. 	<p><i>Nhóm 2:</i></p> <p>Các ngành thuộc các nhóm ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh; - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; - Kế toán - Kiểm toán; - Quản trị - Quản lý; - Kinh tế học; - Quản lý Công nghiệp; - Khách sạn - Nhà hàng; - Quản lý Xây dựng; - Quản lý Y tế.

5. Chuyên ngành Hóa hữu cơ

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa học; - Sư phạm Hóa học. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa học; - Sư phạm Hóa học.
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu; - Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa dược; - Sư phạm khoa học tự nhiên. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; - Công nghệ kỹ thuật hóa học; - Công nghệ vật liệu; - Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ thực phẩm; - Hóa dược; - Sư phạm khoa học tự nhiên.

6. Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Toán tin. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Toán học; - Sư phạm Toán tin.
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán học; - Toán ứng dụng; - Toán tin; - Toán cơ. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán học; - Toán ứng dụng; - Toán tin; - Toán cơ.

7. Chuyên ngành Ngôn ngữ học

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn.
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; - Văn học; - Sáng tác văn học; - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/ Nga/ Pháp/ Trung Quốc/ Đức/ Nhật/ Hàn; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Nhóm ngành báo chí và truyền thông; - Quản lý nhà nước; - Tâm lí học; - Nhóm ngành khu vực học; - Nhóm ngành xuất bản - phát hành; - Nhân học. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; - Văn học; - Sáng tác văn học; - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/ Nga/ Pháp/ Trung Quốc/ Đức/ Nhật/ Hàn; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Nhóm ngành báo chí và truyền thông; - Quản lý nhà nước; - Tâm lí học; - Nhóm ngành khu vực học; - Nhóm ngành xuất bản - phát hành; - Nhân học.

8. Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lí. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử - Địa lí.



Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo cổ học; - Tôn giáo học; - Chủ nghĩa Xã hội Khoa học; - Văn hóa học; - Quản lí văn hóa; - Việt Nam học; - Đông Nam Á học; - Đông Phương học; - Châu Á học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Nhân học; - Dân tộc học; - Hồ Chí Minh học; - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; - Bảo tàng học; - Quản lí di sản văn hóa; - Quốc tế học. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo cổ học; - Tôn giáo học; - Chủ nghĩa Xã hội Khoa học; - Văn hóa học; - Quản lí văn hóa; - Việt Nam học; - Đông Nam Á học; - Đông Phương học; - Châu Á học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Nhân học; - Dân tộc học; - Hồ Chí Minh học; - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; - Bảo tàng học; - Quản lí di sản văn hóa; - Quốc tế học.

9. Chuyên ngành Văn học Việt Nam

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn; - Văn học; - Sáng tác Văn học; - Văn học ứng dụng. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn; - Sư phạm Ngữ văn; - Văn học; - Sáng tác Văn học; - Văn học ứng dụng.

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học; - Hán Nôm; - Việt Nam học; - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Triết học; - Xã hội học; - Báo chí; - Thông tin - Thư viện; - Xuất bản - Phát hành. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học; - Hán Nôm; - Việt Nam học; - Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam; - Văn hóa học; - Quản lý văn hoá; - Triết học; - Xã hội học; - Báo chí; - Thông tin - Thư viện; - Xuất bản - Phát hành.

10. Chuyên ngành Khoa học máy tính

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin; - Sư phạm tin học; - Công nghệ thông tin; - Tin học ứng dụng; - Công nghệ phần mềm; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật máy tính; - Toán – tin; - Kỹ thuật phần mềm; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Khoa học dữ liệu. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin; - Sư phạm tin học; - Công nghệ thông tin; - Tin học ứng dụng; - Công nghệ phần mềm; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật máy tính; - Toán – tin; - Kỹ thuật phần mềm; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Khoa học dữ liệu.

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán – tin ứng dụng; - Điện tử - tin học; - Vật lý – tin học; - Điện tử - viễn thông; - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Sư phạm Toán tin; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán cho tin học; - Thống kê; - Toán học; - Sư phạm Toán học; - Toán kinh tế; - Thống kê kinh tế. 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán – tin ứng dụng; - Điện tử - tin học; - Vật lý – tin học; - Điện tử - viễn thông; - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Sư phạm Toán tin; - Toán ứng dụng; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán cho tin học; - Thống kê; - Toán học; - Sư phạm Toán học; - Toán kinh tế; - Thống kê kinh tế.

11. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật; - Luật dân sự và tố tụng dân sự. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật; - Luật dân sự và tố tụng dân sự.
<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật thương mại quốc tế; - Quản lý nhà nước; - Quản lý công; - Trinh sát an ninh; - Trinh sát cảnh sát; 	<p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật thương mại quốc tế; - Quản lý nhà nước; - Quản lý công; - Trinh sát an ninh; - Trinh sát cảnh sát;

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
- Điều tra hình sự; - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.	- Điều tra hình sự; - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

12. Chuyên ngành Phương pháp toán sơ cấp

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Toán và thống kê; - Toán học; - Sư phạm Toán học; - Khoa học tính toán; - Khoa học dữ liệu; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê.	Nhóm 1: - Toán và thống kê; - Toán học; - Sư phạm Toán học; - Khoa học tính toán; - Khoa học dữ liệu; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê.
Nhóm 2: - Sư phạm Toán – Tin.	Nhóm 2: - Sư phạm Toán – Tin.

13. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Nhóm 1: - Ngôn ngữ Anh; - Sư phạm tiếng Anh.	Nhóm 1: - Ngôn ngữ Anh; - Sư phạm tiếng Anh.
Nhóm 2: Tốt nghiệp trình độ đại học nước ngoài mà chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh và có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương	Nhóm 2: Tốt nghiệp trình độ đại học nước ngoài mà chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh và có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương

Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Ghi chú:

– Các ngành phù hợp khác đối với mỗi ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp khi người dự tuyển gửi hồ sơ.

– Người dự tuyển thuộc ngành phù hợp Nhóm 2: phải học các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này; đối với người dự tuyển các chuyên ngành Toán giải tích, LL&PPDH bộ môn Toán và Phương pháp toán sơ cấp tự chọn các học phần bổ sung kiến thức tối thiểu 04 tín chỉ quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này. &





Phụ lục II

**CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 669 /TB-ĐHSG ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Ngành đào tạo	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Toán giải tích	– Giải tích hàm (02 tín chỉ) – Độ đo và tích phân (02 tín chỉ) – Lý luận dạy học môn toán (02 tín chỉ) – Phương pháp dạy học bộ môn Toán (02 tín chỉ)	
2	LL&PPDH bộ môn Toán		
3	Phương pháp toán sơ cấp		
4	Quản lý giáo dục	Giáo dục học đại cương	02
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	02
5	Tài chính – Ngân hàng	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	02
		Tài chính doanh nghiệp	02
6	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	02
		Quản trị học	02
7	Lịch sử Việt Nam	Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới cận hiện đại	02
		Những vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại	02
8	Ngôn ngữ học	Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	02
		Ngữ pháp Tiếng Việt	02
9	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam hiện đại	02
		Lý luận văn học	02



2

STT	Ngành đào tạo	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
10	Khoa học máy tính	Cấu trúc dữ liệu	02
		Cơ sở dữ liệu	02
11	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ 1	02
		Hóa hữu cơ 2	02
12	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Những kiến thức cơ bản của Luật dân sự	02
		Những kiến thức cơ bản của Luật tố tụng dân sự	02
13	Ngôn ngữ Anh	Ngữ âm – Âm vị học	02
		Nhập môn hình thái – Cú pháp học	02

Ghi chú: Trường hợp người dự tuyển đã học các học phần có nội dung trùng với những học phần thuộc danh mục các học phần bổ sung kiến thức, có số tín chỉ phù hợp và có nhu cầu miễn học, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào bảng điểm (nộp bản sao có chứng thực, kèm theo bản chính để đối chiếu) để xem xét miễn học khi người dự tuyển đăng ký học bổ sung kiến thức.






Phụ lục III

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG
HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 669/TB-ĐHSG ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Sài Gòn)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL (General/Advanced)	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ Bậc 3 trở lên	Từ Bậc 4 trở lên

